

Bản án số: 37/2020/HS-ST  
Ngày 28-7-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Hà Thê Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Đức Dũng và bà Lại Thị Thúy Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2020/TLST-HS ngày 11/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 10/7/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn S**, sinh ngày: 29/6/2001, tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: tổ 6, ấp C, xã C, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: tổ 7, ấp C, xã C, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1980; gia đình có 02 anh, em, bị cáo lớn nhất; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giữ và tạm giam từ ngày 22/3/2020 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

*Bị hại:* bà Dương Thị Đ, sinh năm: 1979, địa chỉ: tổ 3, ấp H, xã C, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; (*vắng mặt*)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. chị Nguyễn Thị TL, sinh năm: 1998, địa chỉ: tổ 2, ấp S, xã C, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; (*có mặt*)

2. bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1980, địa chỉ: tổ 7, ấp C, xã C, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; (*có mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/3/2020, Nguyễn Văn S mượn xe mô tô biển số 60G1-193.\* của chị Nguyễn Thị TL đi về nhà; sau đó S đi sang ấp B, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai để uống cà phê. Khi S đang điều khiển xe mô tô lưu

thông trên đường nhựa thuộc ấp B, xã T thì phát hiện bà Dương Thị Đ đang điều khiển xe mô tô biển số 60B5-967\*, trên đường đi bán vé số từ huyện CM về huyện LT lưu thông phía trước liền nảy sinh ý định cướp giật tài sản của bà Đ để có tiền tiêu xài; S nhanh chóng điều khiển xe áp sát và giả vờ hỏi mua vé số, nhưng bà Đ trả lời đã hết vé số; lúc này S nhanh chóng dùng tay giật túi xách bà Đ đang mang trên người. Khi bị S giật tài sản, bà Đ đã giằng co với S và S đánh rơi chiếc điện thoại Samsung J5 xuống hiện trường. Sau khi chiếm đoạt được tài sản của bà Đ, S điều khiển xe mô tô biển số 60G1-193.\*\* tẩu thoát về hướng huyện LT hơn 01 km thì điều khiển xe mô tô chạy vào một đường hẻm, sát bờ hồ chứa nước thuộc xã T mở túi xách lấy được 1.960.000 đồng, rồi ném túi xách xuống bờ hồ. Sau đó S về xã CD, huyện LT tiêu xài hết 870.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Công an huyện CM đã bắt giữ Nguyễn Văn S. Tiến hành khám nghiệm tại hiện trường nơi S ném túi xách, Cơ quan Công an đã tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng trong túi xách, cùng một điện thoại Nokia màu xanh, một nhẫn kim loại màu trắng và một số giấy tờ tùy thân của bà Dương Thị Đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 26/3/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện CM kết luận: 01 điện thoại Nokia màu xanh, 01 nhẫn kim loại màu trắng, 01 túi xách màu đen có tổng giá trị là 300.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Số tiền 3.090.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng trong túi xách và 1.090.000 đồng còn lại S chưa tiêu xài), 01 túi xách màu đen, cùng 01 điện thoại Nokia màu xanh, 01 nhẫn kim loại màu trắng và một số giấy tờ tùy thân của bà Dương Thị Đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CM đã trả lại cho bà Đ.

- 01 xe mô tô biển số 60G1-193.64, nhãn hiệu Honda, là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị TL. Chị L không biết việc S dùng xe mô tô đi cướp giật tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CM đã trả lại xe mô tô cho chị L.

- 01 điện thoại Samsung J5, màu bạc hồng, đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CM trả lại cho S.

- 01 áo thun ngắn tay, màu đỏ đô; 01 quần lửng màu xanh sẫm là quần áo mà S mặc trên người khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, đang tiếp tục tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị P (mẹ của S) đã bồi thường cho bà Dương Thị Đ số tiền 870.000 đồng; bà Đ xác định đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKSCM ngày 11/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện CM, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện CM, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Cướp giật tài sản”; đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS; đề

ngiht xử phạt bị cáo S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS), tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo thun ngắn tay, màu đỏ đô và 01 chiếc quần lửng màu xanh sẫm của bị cáo S do không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày như sau:

+ chị Nguyễn Thị TL: chị và bị cáo S có quan hệ yêu đương; vào trưa ngày 22/3/2020 chị và bị cáo cùng với bà P (mẹ của bị cáo) có đến chơi tại nhà bạn trai của bà P; đến khoảng 15 giờ bị cáo S mượn xe mô tô biển số 60G1-193.64 của chị để về nhà tắm; đến khoảng gần 17 giờ thì bị cáo quay về trả xe. Sau đó Công an đến làm việc và tạm giữ xe thì chị mới biết rằng bị cáo đã sử dụng xe đi cướp giật. Hiện tại chị đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu gì thêm.

+ bà Nguyễn Thị P: bà là mẹ của bị cáo S. Ngày 22/3/2020 bị cáo có mượn xe mô tô của bạn gái về nhà tắm nhưng sau đó đã cướp giật tài sản của bà Đ. Do bà và bà Đ cũng là bạn bè, quen biết nhau nên khi bà Đ thông báo số tiền mà bị cáo S phải bồi thường là 870.000 đồng thì bà đã tự đứng ra bồi thường thay; khi đó S bị tạm giam và mẹ con không thể gặp nhau nên việc bà bồi thường là tự nguyện, không có sự tác động của bất kỳ ai. Đối với số tiền bà đã bồi thường thay cho S thì bà không yêu cầu S phải trả lại.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) nên các ý kiến, lời khai của họ có trong hồ sơ vụ án được Tòa án công bố theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của BLTTHS; đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố; quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng không ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy: bị hại có đơn xin vắng mặt, đồng thời đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ, không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự; việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 của BLTTHS.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S khai nhận: khoảng 15 giờ chiều ngày 22/3/2020 bị cáo mượn xe mô tô của bạn gái là chị Nguyễn Thị TL để về nhà tắm; sau khi tắm xong bị cáo chưa quay lại trả xe cho chị L ngay mà đi uống cà phê với bạn ở ấp B, xã T; lúc này bị cáo mặc áo thun ngắn tay, màu đỏ đô và quần lửng màu xanh sẫm. Đến khoảng 16 giờ, sau khi uống cà

phê xong, trên đường đi về bị cáo phát hiện 01 người phụ nữ đang điều khiển xe máy, có đeo 01 túi xách màu đen trên người và bị cáo đoán là người bán vé số nên nảy sinh ý định giật túi xách; bị cáo điều khiển xe đến gần xe của người phụ nữ và hỏi mua vé số; người phụ nữ dừng xe lại và trả lời hết vé số; lúc này bị cáo cũng đã dừng xe của mình và dùng tay giật chiếc túi xách của người phụ nữ; hai bên giằng co qua lại vài lần thì bị cáo chiếm đoạt được chiếc túi xách và điều khiển xe mô tô chạy về hướng xã C khoảng 01 km; sau đó bị cáo rẽ vào 01 hẻm nhỏ và đến sát bờ hồ chứa nước thì dừng lại mở túi xách lấy ra một số tờ tiền, còn túi xách bị cáo ném về phía bờ hồ rồi tiếp tục điều khiển xe về xã C. Khi kiểm tra bị cáo thấy số tiền mình chiếm đoạt được là 1.960.000 đồng; bị cáo phát hiện mình bị rơi mất chiếc điện thoại Samsung J5 nên đã dùng số tiền 870.000 đồng cướp giật được để chuộc lại chiếc điện thoại cũ và tiêu xài cho bản thân; số tiền còn lại 1.090.000 đồng đã bị Công an thu giữ khi bắt bị cáo. Sau khi bị bắt, bị cáo cùng với Công an đến hiện trường nơi bị cáo ném chiếc túi xách và tìm thấy bên trong túi xách còn có 2.000.000 đồng, một điện thoại Nokia màu xanh, một nhẫn kim loại màu trắng và một số giấy tờ tùy thân mang tên Dương Thị Đ. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Cướp giật tài sản”, với tình tiết định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS theo nội dung Bản Cáo trạng của VKSND huyện CM đã truy tố là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà Đ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân; do đó, cần áp dụng loại hình phạt tù đối với bị cáo nhằm trừng trị bị cáo; bên cạnh đó cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Sỹ có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, đó là: người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s); ngoài ra HĐXX cũng xem xét: gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo, bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để áp dụng khoản 2 Điều 51 của BLHS giảm nhẹ một phần đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã quyết định xử lý trả lại tài sản cho bị hại, chị L và bị cáo theo đúng quy định của pháp luật nên không xử lý lại. Riêng đối với vật chứng còn lại đang bị tạm giữ, gồm có: 01 áo thun ngắn tay, màu đỏ đô; 01 quần lửng màu xanh sẫm là quần áo mà S mặc trên người khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản – tại phiên tòa, bị cáo xác định những tài sản này không còn giá trị sử dụng và từ chối nhận lại nên HĐXX quyết định tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: không có ai yêu cầu nên không xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS

*Xử phạt:* bị cáo Nguyễn Văn S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ và tạm giam: 22/3/2020.

*Về xử lý vật chứng:* áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun ngắn tay, màu đỏ đô; 01 quần lửng màu xanh sẫm của bị cáo S. *(Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/6/2020)*

*Về án phí:* Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật tố tụng hình sự./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Bộ phận HSNV Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HS, AV (4).

### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

**Hà Thế Nam**